

Bản án số: 792/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2) Ông **Lại Hữu Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 724/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 641/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1); Địa chỉ: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Ủy quyền lại cho: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971, Địa chỉ: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Giấy ủy quyền số 842/2024/UQ-TGD ngày 16/01/2024) \_ có đơn xin vắng mặt.

**Bi đơn:** Ông **Nguyễn Văn Tuấn A**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số C P, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh \_ vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (TMCP) có người đại diện là ông Trần Gia T trình bày:*

Ngày 13/06/2017, ông Nguyễn Văn Tuấn A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), cụ thể: Loại thẻ: Master; số thẻ: 512341-2860; hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1,7%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tuấn A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 34.396.800 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tuấn A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 37.032.385 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tuấn A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 13.224.464 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 27/9/2024, ông Nguyễn Văn Tuấn A còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc: 13.224.464 đồng; lãi quá hạn: 7.778.772 đồng, tổng cộng: 21.003.236 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Tuấn A, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Tuấn A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 21.003.236 đồng (Hai mươi một triệu không trăm lẻ ba

nghein hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 13.224.464 đồng, lãi quá hạn là 7.778.772 đồng.

2/ Ông Nguyễn Văn Tuấn A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Tuấn A là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tuấn A thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) của Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Văn Tuấn A thì địa chỉ cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A là C3/16A P, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh ngày 16/5/2024 của Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông Nguyễn Văn Tuấn A không đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ C3/16A P, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh ngày 12/8/2024 của Công an phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ thì ông Nguyễn Văn Tuấn A có đăng ký thường trú tại khu vực Đ, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ nhưng đã bỏ địa phương đi từ tháng 9/2017 đến nay, không rõ đi đâu và sinh sống ở địa chỉ nào. Căn cứ

theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án xác định địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Văn Tuấn A là C3/16A P, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Trần Gia T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thế L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Tuấn A.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông Tuấn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông Tuấn A biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Nguyễn Văn Tuấn A ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng TMCP S phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng. Từ giấy đề nghị cấp thẻ, Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn Tuấn A với hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn Tuấn A thanh toán nợ nhưng ông Tuấn A không thực hiện, do đó ngày 06/11/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký giữa ông Nguyễn Văn Tuấn A với Ngân hàng TMCP S và căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 21.003.236 đồng (Hai mươi một triệu không trăm lẻ ba nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 13.224.464 đồng, lãi quá hạn là 7.778.772 đồng. Ông Nguyễn Văn Tuấn A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.3] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Văn Tuấn A trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2024 là 21.003.236 đồng (Hai mươi một triệu không trăm lẻ ba nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Tuấn A trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất trong hợp đồng đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn Tuấn A.

Buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 21.003.236 đồng (Hai mươi một triệu không trăm lẻ ba nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Văn Tuấn A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký ngày 13/6/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Tuấn A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.050.162 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

- H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 453.138 đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu số

0033491 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

**- Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM
- VKSND TP . HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hải**